

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **LÝ KINH Q**, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: số A, tổ B, khu D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ MINH D**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số A, tổ B, khu D, thị trấn E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 04/01/2018 và lời khai tại Toà, nguyên đơn anh Lý Kinh Q trình bày:

Do quen biết nên anh và chị D tiến đến kết hôn vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn do chị D cờ bạc, không quan tâm gia đình, anh nhiều lần nhắc nhở nhưng chị D không thay đổi và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ năm 2012 đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn chị D.

Con chung có hai cháu tên Lý Thâm K, sinh ngày 12/10/2000; Lý Thoại Y, sinh ngày 06/9/2002, hiện đang sống với anh. Nay anh yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Minh D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải kèm giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự liên quan việc anh Q khởi kiện như trên nhưng chị D vẫn không có văn bản nêu ý kiến và cố tình vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; tiếp tục giao hai con chung cho nguyên đơn nuôi, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Minh D vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, anh Q trình bày do quen biết nên anh và chị D xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ năm 2012 đến nay. Nguyên nhân do trong cuộc sống chị D hay cờ bạc, không quan tâm chồng con, anh đã nhiều lần nhắc nhở nhưng chị D không khắc phục mà còn có những lời lẽ xúc phạm danh dự anh. Nay anh cương quyết xin ly hôn chị D. Xét thấy, cho anh Q được ly hôn chị D là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con nhỏ. Ngoài ra, quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị D để đảm bảo quyền nêu ý kiến của chị, cũng như hoà giải để anh chị hàn gắn, đoàn tụ nhưng chị D vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện chị không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Có hai cháu tên Lý Thâm K, sinh ngày 12/10/2000; Lý Thoại Y, sinh ngày 06/9/2002, hiện đang sống với anh Q. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho anh Q nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với anh Q từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân các cháu cũng có nguyện vọng được sống với cha. Đồng thời, sau khi Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị D thì chị vẫn bỏ mặc không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con chung của anh Q. Thêm vào đó, căn cứ vào văn

bản xác minh ý kiến của đại diện địa phương cho rằng anh Q nuôi con ổn định, các cháu phát triển tốt, bình thường. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giao con chung cho anh Q nuôi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tại Toà, anh Q không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Anh Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[7] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lý Kinh Q. Cho anh Lý Kinh Q được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh D.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Lý Thâm K, sinh ngày 12/10/2000; Lý Thoại Y, sinh ngày 06/9/2002 cho anh Q nuôi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Q không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Lý Kinh Q phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 08068 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM

